BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 135/2025/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về hành nghề chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hành nghề chứng khoán.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về:

a) Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ tương đương;

b) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử;

c) Tập huấn kiến thức cho người hành nghề chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cá nhân tham gia khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán;

b) Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán là văn bản (bản giấy hoặc điện tử) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho người có tên trong chứng chỉ để làm việc

tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. *Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán* là văn bản (bản giấy hoặc điện tử) do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp để xác nhận người có tên trong chứng chỉ đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. *Tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán* bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán.

Chương II
CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ CHỨNG CHỈ TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 3. Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán

1. Các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm:

a) Khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Khóa học Phân tích và đầu tư chứng khoán;

d) Khóa học Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;

đ) Khóa học Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán;

e) Khóa học Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

g) Khóa học Quản lý quỹ và tài sản;

h) Khóa học Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức.

3. Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán cấp cho học viên trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn (bao gồm cả những thí sinh đã hoàn thành khóa học do các cơ sở đào tạo thuộc các trường

đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức).

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt chương trình đào tạo các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Những trường hợp được miễn tham gia các khóa học chuyên môn nhưng phải tham gia kiểm tra trình độ để được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán:

a) Cá nhân có bằng cử nhân trở lên đối với các ngành đào tạo gồm: Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán được miễn học khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Cá nhân có bằng cử nhân trở lên ngành luật kinh tế được miễn học khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 4. Chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán

1. Chứng chỉ quốc tế CIIA (Certified International Investment Analyst) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II) trở lên tương đương với chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, chứng chỉ Quản lý quỹ và tài sản, chứng chỉ Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Chứng chỉ quốc tế ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants) hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc I (Chartered Financial Analyst level I), CIIA bậc I (Certified International Investment Analyst level I) tương đương với chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

3. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài tương đương tất cả chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán.

Chương III
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN ĐIỆN TỬ

Điều 5. Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy sang chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bắt đầu triển khai cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử khi hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành

nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức đi vào hoạt động. Kể từ thời gian này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy.

2. Khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử, người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải có trách nhiệm chuyển đổi từ chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy đã cấp sang chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành hướng dẫn chuyển đổi.

Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy hết hiệu lực kể từ khi được chuyển đổi. Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có trách nhiệm nộp lại cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy đã hết hiệu lực.

3. Quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa thực hiện chuyển đổi không được ghi nhận trên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trạng thái là "người hành nghề chứng khoán".

4. Chứng chỉ hành nghề điện tử, thông tin quá trình hành nghề chứng khoán trên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là căn cứ để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện quản lý, giám sát người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại Điều 216 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được ghi nhận hành nghề chứng khoán khi hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán xác nhận trạng thái là "người hành nghề chứng khoán".

Điều 6. Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán khi triển khai chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử

1. Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm tuân thủ quy định, hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về quản lý, sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử.

2. Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có trách nhiệm cập nhật lên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thông tin thay đổi liên quan đến quá trình hành nghề chứng khoán.

3. Tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm cập nhật lên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thông tin thay đổi khi ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin cung cấp trên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 7. Sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử, tra cứu trạng thái hành nghề chứng khoán

1. Người hành nghề chứng khoán có thể trực tiếp xuất trình chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử thông qua hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Các cá nhân, tổ chức có thể tra cứu trạng thái hành nghề chứng khoán của người hành nghề chứng khoán trên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương IV
TẬP HUẤN KIẾN THỨC CHO NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Điều 8. Tập huấn kiến thức

1. Người hành nghề chứng khoán phải tham gia tập huấn kiến thức hàng năm (thời gian được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm).

2. Người hành nghề chứng khoán không bắt buộc phải tham gia tập huấn kiến thức trong năm được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Điều 9. Nội dung, tài liệu tập huấn kiến thức

1. Nội dung tập huấn kiến thức: Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới.

Trên cơ sở nội dung tập huấn kiến thức, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành khung chương trình tập huấn kiến thức trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Khung chương trình có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Tài liệu tập huấn kiến thức

a) Tài liệu tập huấn kiến thức do các đơn vị tổ chức tập huấn xây dựng dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử;

b) Tài liệu tập huấn kiến thức phải phù hợp với khung chương trình quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Tổ chức tập huấn kiến thức

1. Đơn vị tổ chức tập huấn kiến thức: Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con.

2. Người hành nghề chứng khoán đăng ký tham gia tập huấn kiến thức tại các lớp tập huấn kiến thức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

3. Thời lượng các lớp tập huấn kiến thức được xây dựng phù hợp với nội dung, tài liệu tập huấn kiến thức và đối tượng tham gia tập huấn, đảm bảo thời lượng tập huấn kiến thức tối thiểu 08 giờ trong một năm.

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế tổ chức tập huấn kiến thức hành nghề chứng khoán.

Điều 11. Trường hợp không hoàn thành yêu cầu tham gia tập huấn kiến thức

Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công khai danh sách người hành nghề chứng khoán không hoàn thành yêu cầu tham gia tập huấn kiến thức của năm trước đó trên cổng thông tin điện tử và hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương V
HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2026. Bãi bỏ Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế quản lý sử dụng hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phù hợp với quy định tại Thông tư này về việc quản lý, sử dụng chứng chỉ hành nghề điện tử, tra cứu trạng thái hành nghề chứng khoán.

3. Việc tổ chức tập huấn kiến thức cho người hành nghề chứng khoán theo quy định tại Chương IV Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2027.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử UBCKNN;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (58b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Đức Chi